

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

“V/v hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và Ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp *“Hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn TĐ, xã KST, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn ĐL, xã TBT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, văn bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q kết hôn với chị Phan Thị T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2009 tại UBND xã ĐT (nay là xã TBT) huyện ĐT,

tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở Thôn TĐ, xã KST, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì nảy sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở Thôn ĐL, xã TBT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống từ năm 2011 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm, lối sống, tính tình hai vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã nhiều năm và mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Phan Thị T:* Trong quá trình giải quyết vụ án cán bộ Tòa án đã đến gia đình nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống của chị T ở thôn ĐL, xã TBT để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho chị T để đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng chị T không đến tham gia các buổi làm việc tại Tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q cơ bản đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để làm việc là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Phan Thị T.

Về con chung: Anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn TĐ, xã KST, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh và bị đơn chị Phan Thị T; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn ĐL, xã TBT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐT đã tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/8/2020 chị Phan Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 21/8/2020 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Phan Thị T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Phan Thị T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Q kết hôn với chị Phan Thị T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2009 tại UBND xã ĐT (nay là xã TBT) huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với trích lục kết hôn của anh Q và chị T do UBND xã TBT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh cấp và anh Q giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở Thôn ĐL, xã TBT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống từ năm 2011 và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã nhiều năm và mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho anh Q ly hôn chị T như quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3]. *Về con chung*: Anh Q xác định vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Anh Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q, chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- 1.** Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn Chị Phan Thị T.
- 2.** Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0006051 ngày 07/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.
- 3.** Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/8/2020. Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Các đương sự;
- UBND xã TBT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng